

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 238/2026/DS-PT
Ngày: 27-03-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Hùng.
Ông Phạm Tiến Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:** Bà Nguyễn Thị Thủy
- Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 200/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 199/2025/QĐPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thúy N, sinh năm 1974.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân P.

Cùng địa chỉ: Số A Đ, phường B, thành phố Cần Thơ, có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Đoàn Anh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số D đường N, phường C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đoàn Anh T: Bà Võ Thị Thùy T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc L – Theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 19/3/2026. (Bà T1 vắng mặt; bà L có mặt).

Cùng địa chỉ: Số B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Ông Nguyễn Hoàng T2, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số D đường N, phường C, thành phố Cần Thơ, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người kháng cáo: Bà Lâm Thúy N là nguyên đơn và bà Đ Nguyễn Anh T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 4 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thúy N trình bày: Vào khoảng tháng 02/2021 bà có giao dịch chuyển tiền cho bà Nguyễn Đoàn A Thi mượn nhiều lần có trả đầy đủ, nhưng từ năm 2023 đến nay tiếp tục mượn để đáo hạn trả ngân hàng nhưng bà T không thanh toán lại cho bà, bà T hứa hẹn vay tiền để trả nhưng không thực hiện. Đến ngày 21 tháng 10 năm 2024 bà và bà A T mới cộng lại việc chuyển tiền qua tài khoản cho bà T lên tới 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng), bà T tiếp tục hẹn nhưng không thanh toán cho bà như lời hứa.

Nhận thấy, bà Nguyễn Đoàn Anh T và chồng bà T là ông Nguyễn Hoàng T2 không thực hiện như lời hứa nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Đoàn Anh T và ông Nguyễn Hoàng T2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi theo thời điểm chuyển tiền vào tài khoản của bà Nguyễn Đoàn Anh T cho đến nay theo quy định của Ngân hàng N2.

* Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có triệu tập bị đơn bà Nguyễn Đoàn Anh T và ông Nguyễn Hoàng T2 để tham gia phiên hòa giải nhưng các bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Đoàn Anh T cùng ông Nguyễn Hoàng T2 liên đới trả cho bà số tiền 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi chỉ yêu cầu lãi chậm trả ở giai đoạn thi hành án.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu hoãn phiên tòa để tạo điều kiện cho các bên gặp nhau hòa giải, yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng từ các giao dịch chuyển tiền cụ thể cho bà T. Các lần chuyển khoản qua lại bà T có nhờ tài khoản của mẹ và em trai là bà Đoàn Ngọc T3 và Nguyễn Đoàn Anh P1 nên yêu cầu đưa hai người này tham gia tố tụng. Việc vay mượn giữa bà T và bà N thì chồng bà T không biết nên không đồng ý cùng bà T trả khoản vay.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 200/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thúy N.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Đoàn Anh T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Lâm Thúy N số tiền 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ khi bà Lâm Thúy N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Đoàn Anh T chậm trả số tiền trên thì còn phải trả lãi chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Theo đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lâm Thúy N đề ngày 03/10/2025 và bị đơn bà Nguyễn Đoàn Anh T đề ngày 30/9/2025.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, bị đơn bà Nguyễn Đoàn Anh T có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự số: 200/2025/DS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ, giao lại cho Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ giải quyết lại theo hướng buộc nguyên đơn phải cung cấp danh sách số lần chuyển tiền chi tiết để ra được con số 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng).

Ngày 03 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn bà Lâm Thúy N có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa lại một phần Bản án dân sự số: 200/2025/DS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ, theo hướng buộc ông Nguyễn Hoàng T2 có trách nhiệm và nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả cho nguyên đơn số tiền 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng); đồng thời làm rõ việc bà T đã sử dụng số tiền 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) vào mục đích gì để có biện pháp thu hồi trả lại cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu buộc bà T cùng ông T2 liên đới trả lại cho bà N số tiền đã vay là 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ, năm trăm tám mươi triệu đồng). Mặc dù ông T2 không ký tên vào giấy mượn tiền, nhưng thời điểm trên vợ chồng ông T2 còn chung sống với nhau nên nợ trên hai vợ chồng cùng phải có trách nhiệm trả.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm do cấp sơ thẩm có nhưng vi phạm như sau: Chưa triệu tập ông Nguyễn Đoàn Anh P1 và bà Đoàn Ngọc T3 tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì bà T có nhờ 2 tài khoản ngân hàng của ông P1 và bà T3 để bà N chuyển tiền vào; Nguyên đơn cung cấp địa chỉ của ông T2 sai nên ông T2 chưa được tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Bà N chưa cung cấp được các giao dịch chuyển tiền từng lần, mỗi lần bao nhiêu để được số tiền là 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một

tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng); Hiện nay bà T đang khởi kiện bà N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án đã được Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ thụ lý, vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ nhập chung 02 vụ án trên để giải quyết một cách khách quan và triệt để.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án một cách khách quan và buộc bị đơn bà Nguyễn Đoàn Anh T trả lại cho nguyên đơn số tiền đã vay 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) là phù hợp, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, về cách tuyên án trong bản án sơ thẩm thì có thiếu sót trong việc không ghi nhận việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T2 liên đới theo yêu cầu của bà T trả số tiền còn nợ 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng), cũng như chưa đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu lãi suất từ thời điểm chuyển khoản đến thời điểm xét xử. Đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Lâm Thúy N và bị đơn bà Nguyễn Đoàn Anh T kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Đối với kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Đoàn Anh T yêu cầu hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm để cấp sơ thẩm giải quyết lại, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Sau khi thụ lý vụ kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành triệu tập đối với bị đơn bà Nguyễn Đoàn Anh T và ông Nguyễn Hoàng T2 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 29/7/2025 và 15/8/2025. Cả hai lần bà Nguyễn Đoàn Anh T đều ký nhận nhưng vắng mặt. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lâm Thúy N cung cấp địa chỉ ông T2 tại số A H, phường N, thành phố Cần Thơ. Tòa án sơ thẩm đã gửi thư triệu tập ông T2 tại địa chỉ này nhưng không thực hiện được nên đã tiến hành thủ tục niêm yết. Tại đơn đề nghị tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/9/2025 ông Nguyễn Hoàng T2 xác nhận ông không cư trú tại địa chỉ theo đơn khởi kiện của bà N. Ông xác nhận hiện đang cư trú tại 02 địa chỉ trong đó địa chỉ thường trú là D N, phường N, thành phố Cần Thơ, đây cũng là địa chỉ nơi vợ

ông là bà Nguyễn Đoàn Anh T sinh sống. Các văn bản tố tụng, thư triệu tập của Tòa vợ ông là bà Nguyễn Đoàn Anh T đều nhận được và bà T có trách nhiệm thông báo lại cho ông Nguyễn Hoàng T2. Nên ông T2 thuộc trường hợp được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Cho thấy Tòa án sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt cho bà T và ông T2. Việc không tiến hành được phiên hòa giải là do ông, bà vắng mặt. Ông, bà tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, việc đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm về tố tụng là không có căn cứ.

[2.2]. Căn cứ vào “Giấy mượn tiền lập ngày 21/10/2024” - bút lục 109 có nội dung như sau: *Tôi tên: Nguyễn Đoàn Anh T – CCCD số 08817700752 CN 27/8/2022. Địa chỉ D N, P. C, quận N, Tp .. Có mượn của chị Lâm Thúy N số tiền tổng cộng đến 21/10/2024 là 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng)*”. Bà N cho rằng ngày 21/10/2024 thì hai bên đã ngồi chốt tổng số tiền bà T còn nợ của bà N là 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng); Bà T thừa nhận giấy mượn tiền là do bà tự viết và tự ký tên nhưng do khi đó bà N nhờ bà T giúp đỡ đối phó với những người mà bà N đã vay tiền chứ thực chất số tiền ghi nhận tại giấy mượn tiền là không có thật. LỜI trình bày của bà T không được phía bà N thừa nhận, bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ký tên vào biên nhận nợ để giúp đỡ bà N; Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bà T có nhiều lời khai mâu thuẫn, khi thì nói số tiền 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) là bao gồm cả vốn và lãi; khi thì khai rằng có nợ nhưng số tiền trên giấy mượn không chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tính đến ngày 21/10/2024 bà T còn nợ bà N là đúng sự thực. Các sao kê từ tài khoản Ngân hàng được nộp kèm theo bản tự khai ngày 19/9/2025 của bà T thể hiện thời gian giao dịch diễn ra từ năm 2017 đến năm 2020, tức đều sau khi bà Thi V giấy mượn tiền. Đủ căn cứ xác định bà T chưa hoàn trả số tiền 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) cho bà N. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T trả số tiền đã vay còn nợ 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) là có căn cứ.

[2.3]. Đối với ý kiến của bị đơn yêu cầu nguyên đơn cung cấp các lần vay tiền và triệu tập ông Nguyễn Đoàn Anh P1 và bà Đoàn Ngọc T3 tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì bà T có nhờ 2 tài khoản ngân hàng của ông P1 và bà T3 để bà N chuyển tiền vào; Hội đồng xét xử xét thấy giấy mượn tiền đã thể hiện có nội dung là tổng số tiền còn nợ, nên việc yêu cầu nguyên đơn cung cấp thông tin những lần vay tiền và triệu tập ông Nguyễn Đoàn Anh P1 và bà Đoàn Ngọc T3 tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết.

[2.4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa, vì hiện nay bà T đã khởi kiện bà N tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ để giải quyết vụ kiện vay mượn nợ, nên cần thiết nhập chung hai vụ án này để giải quyết một cách khách quan và toàn diện; Hội đồng xét xử xét thấy, đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ hiện Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ đang giải quyết vụ án có liên quan đến vụ án hiện Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đang thụ lý, giải quyết; Mặt khác, theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì phạm vi xét xử phúc thẩm là Tòa án phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị. Do đó, ý kiến của bị đơn đề nghị nhập chung 02 vụ án để giải quyết là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Đối với kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Hoàng T2 có trách nhiệm và nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả cho nguyên đơn số tiền 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng); đồng thời làm rõ việc bà T đã sử dụng số tiền 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) vào mục đích gì để có biện pháp thu hồi trả lại cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại “Giấy mượn tiền lập ngày 21/10/2024” chỉ bà Nguyễn Đoàn Anh T ký nhận nợ, ông Nguyễn Hoàng T2 không tham gia ký kết, không ủy quyền cho bà T trong giao dịch với bà N. Nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện ông Nguyễn Hoàng T2 biết việc bà T vay tiền của bà N, đồng thời không có căn cứ để xác định bà T vay tiền của bà N nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình hoặc nhằm mục đích phục vụ việc kinh doanh chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án cấp sơ thẩm trong phần nhận định của bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông T2 liên đới cùng bà T trả số tiền còn nợ là có căn cứ. Tuy nhiên, trong phần Quyết định của Bản án sơ thẩm lại ghi nhận “Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thúy N. Buộc bị đơn bà Nguyễn Đoàn Anh T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Lâm Thúy N số tiền 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng)” mà không tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông T2 liên đới cùng bà T trả nợ là còn thiếu sót, vấn đề này được Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[4]. Ngoài ra, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thúy N có yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hoàng T2 cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi theo thời điểm chuyển khoản đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa xét xử sơ

thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi trên, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ là chưa phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại cách tuyên, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[5]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận; Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo mỗi người phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463; 465; 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Đoàn Anh T và nguyên đơn bà Lâm Thị N1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ (có điều chỉnh về cách tuyên án).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thúy N.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Đoàn Anh T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Lâm Thúy N số tiền 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ khi bà Lâm Thúy N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Đoàn Anh T chậm trả số tiền trên thì còn phải trả lãi chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thúy N về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hoàng T2 cùng liên đới với bà Nguyễn Đoàn Anh T trả số tiền 31.580.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) cho bà N.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo thời điểm chuyển tiền vào tài khoản của bà Nguyễn Đoàn Anh T cho đến nay theo quy định của Ngân hàng N2.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Đoàn Anh T phải chịu số tiền 139.580.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) án

phí vụ kiện. Nguyên đơn bà Lâm Thúy N được nhận lại 69.790.000 đồng (Sáu mươi chín triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 6068 ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1- Cần Thơ.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Đoàn Anh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005127 ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí; Nguyên đơn bà Lâm Thúy N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004420 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí, (bà N, bà T đã nộp xong).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 27 tháng 3 năm 2026.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân KV 1 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 1 – Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đào Thị Thủy